

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CHAMPASAK – CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

UOTHITPHANYA LOBPHALAK*

TÓM TẮT

Trong quá trình hội nhập, tác động của toàn cầu hóa đến kinh tế - xã hội đối với các quốc gia là xu hướng tất yếu. Tỉnh Champasak - trung tâm kinh tế phía Nam của Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào – cũng không ngoại lệ. Bài viết trình bày về tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa đến kinh tế - xã hội của tỉnh Champasak trên các mặt tăng trưởng kinh tế, thương mại, dân số, y tế và giáo dục; từ đó, chúng tôi đề xuất sáu nhóm giải pháp nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Champasak theo đúng định hướng chiến lược mà tỉnh đã đề ra đến năm 2020.

Từ khóa: toàn cầu hóa, hội nhập, tỉnh Champasak, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

ABSTRACT

The Impact of globalization on the socio - economic situation of Champasak province - Lao PDR: the reality and solutions

During the integration process, the impacts that globalization has on society and economy of nations is inevitable. Champasak province – the economic center of southern Laos – is no exception. The article presents the positive and negative impacts that globalization has on the society and economy of Champasak province in terms of economic growth, commerce, population, health and education; in light of with, six groups of solutions to developing the society and economy of Champasak following the strategic directions issued from now to 2020 are suggested.

Keywords: globalization, integration, Champasak province, Lao PDR.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ đã tạo nên những đột phá trên mọi mặt. Bên cạnh những tác động tích cực mà toàn cầu hóa đem lại cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề mà cả nhân loại phải chung tay giải quyết, như: ô nhiễm môi trường, nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt, nạn thất nghiệp, sự phân biệt giàu nghèo... Không nằm ngoài xu thế đó, CHDCND Lào nói chung và tỉnh Champasak nói riêng đang tích cực hội nhập và đã đạt được những kết quả nhất định; đồng thời cũng chú trọng giải quyết những hệ quả tiêu cực do toàn cầu hóa gây ra.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tác động của quá trình toàn cầu hóa đến kinh tế xã hội tỉnh Champasak - CHDCND Lào

* ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Pakse Lào; Email: ulopphalac@yahoo.com.vn

2.1.1. Giới thiệu khái quát chung về CHDCND Lào và tỉnh Champasak

CHDCND Lào là quốc gia nằm hoàn toàn trong đất liền, có diện tích 236.800km² và chung biên giới với các nước Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Campuchia và Myanmar. CHDCND Lào có tổng số dân 6.068.117 người năm 2008. Hiện nay Lào vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất trong khu vực. Nền kinh tế của Lào chủ yếu dựa vào nông nghiệp với tỉ lệ đóng góp của ngành này vào tổng GDP là 51% và chiếm 80% lực lượng lao động của cả nước. Bên cạnh diện tích đất nông nghiệp rộng lớn, Lào còn rất giàu tài nguyên thiên nhiên rừng, khoáng sản và thủy năng [7]. Mặc dù là nước có tỉ lệ đô thị hóa thấp nhất Đông Nam Á nhưng Lào có tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8% (năm 2007), 7,9% (năm 2008) và 11,26% (năm 2014). Thu nhập bình quân đầu người tăng dần, năm 2007 đạt 678 USD/người, năm 2008 đạt 841 USD/người và năm 2014 đạt 2005 USD/người.

Lào có 17 tỉnh, thành phố và một khu kinh tế đặc biệt, trong đó Champasak là tỉnh tận cùng phía Nam đồng thời là trung tâm kinh tế lớn nhất vùng này, lớn thứ ba cả nước với diện tích 15.415 km², dân số khoảng 642.651 người; có biên giới tiếp với 3 tỉnh Salavan, Attapur và Xêkong. Diện tích đồng bằng của tỉnh là 1.135.000 ha, độ cao khoảng 300 m so với mặt nước biển, khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ trung bình 25⁰C, lượng mưa trung bình 2279 mm/năm. Vùng cao nguyên với diện tích 400.000 ha, độ cao 400-1200 m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình 20⁰C - 21⁰C lượng mưa trung bình 3500 mm/năm, độ ẩm 80%.

Champasak có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú với tổng diện tích rừng là 895.500 ha, có 3 khu rừng được công nhận là rừng quốc gia với 425.600 ha và 7 khu rừng cấp tỉnh, có cao nguyên Bolaven rộng lớn, đồng thời có lượng mưa lớn và khí hậu mát mẻ quanh năm rất thuận lợi cho ngành trồng trọt. Ngoài ra, dọc theo sông Mekong còn có nhiều thác ghềnh đẹp và nổi tiếng; chùa Vặt Phu được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Nơi đây sẽ là điểm đến của nhiều du khách trong và ngoài nước.

2.1.2. Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế của tỉnh Champasak

- Tác động đến tăng trưởng kinh tế (xem bảng 1)

Thực hiện chủ trương của Đảng trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa nhằm phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Champasak đã có những chính sách mở cửa, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh và mở rộng sản xuất hàng hóa. Nhờ đó, kinh tế Champasak phát triển một cách liên tục. Tổng sản phẩm quốc nội tăng trung bình 9,8%/năm và tính bình quân trên đầu người khoảng 1128 USD vào năm 2010 và 2005 USD năm 2014; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực.

Bảng 1. Quá trình chuyển dịch của cơ cấu kinh tế Champasak thời kì 2006 – 2014

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế									
Nông nghiệp (%)	51	48	46	43	40	36	31	29	27
Công nghiệp (%)	24	25	26	27	28	30	34	34	34
Dịch vụ (%)	25	27	28	30	32	34	35	37	39
Thu nhập bình quân đầu người (USD/người)	519	626	730	1031	1128	1262	1428	1507	2005

Nguồn: [4], [5]

Lĩnh vực nông-lâm nghiệp chiếm 51% năm 2006 giảm xuống còn 40% vào năm 2010 và 27% năm 2014 với tăng trưởng trung bình 3,4%/năm; lĩnh vực công nghiệp-chế biến có sự chuyển dịch từ 24% tăng lên 28% năm 2010 và 34% năm 2014 với tốc độ tăng trưởng trung bình là 15%/năm; lĩnh vực dịch vụ trong cùng thời kì có tăng trưởng trung bình là 16,2%/năm, chiếm tỉ trọng từ 25% năm 2006 lên 32% năm 2010 và đạt 34% năm 2014. Như vậy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Champasak có xu hướng giảm tỉ trọng của khu vực I và tăng tỉ trọng khu vực II cũng như khu vực III. Riêng tỉ trọng khu vực II trong 3 năm gần đây (2012 – 2014) vẫn ổn định ở mức 34%.

Hiện nay, Champasak có quan hệ hợp tác với một số tỉnh miền Trung và miền Nam Việt Nam, một số tỉnh phía Nam Trung Quốc và một số tỉnh của Vương quốc Thái Lan, Vương quốc Campuchia một cách hiệu quả trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, hai bên cùng có lợi. Tỉnh nhận được sự giúp đỡ không hoàn lại của một số quốc gia cũng như các tổ chức phi chính phủ, trong đó có một số tỉnh của Việt Nam, như: tỉnh Bình Định giúp đỡ với tổng trị giá 800 triệu đồng; tỉnh Bình Dương trao tặng 32 bộ máy tính với tổng giá trị 28.000 USD và giúp đỡ cài đặt hệ thống IT; tỉnh An Giang giúp đỡ tập huấn về chuyển giao khoa học công nghệ trong việc phối giống bò tại Trung tâm Nóng Hín và một số trang thiết bị cần thiết. Hiện nay, đường bộ nối từ tỉnh Champasak sang các tỉnh bạn và các nước láng giềng về cơ bản đã được đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu đi lại và giao thương hàng hóa giữa Champasak với các nước.

Trong thời gian 5 năm (2006-2010), đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước đối với tỉnh Champasak gồm 267 dự án, giá trị theo phê duyệt là 6606,6 tỉ kíp, tương đương 542 triệu USD, tăng 83% so với kế hoạch đề ra. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có sự tăng nhanh rõ rệt. Năm 2005, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp là 6 dự án, năm 2011 là 12 dự án với giá trị tương ứng là 43,148 tỉ kíp tăng lên 165,304 tỉ kíp; lĩnh vực công nghiệp từ 4 dự án lên 9 dự án với giá trị tương đương 12,458 tỉ kíp

và 496,866 tỉ kíp; lĩnh vực thương mại - dịch vụ với tổng giá trị từ 21,344 tỉ kíp (năm 2005) tăng lên 42,229 tỉ kíp (năm 2011). [4]

- Về phát triển thương mại (xem bảng 2, bảng 3)

Trong thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2010), cán cân xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng, tổng giá trị thu mua hàng hóa đạt 4183 tỉ kíp tăng 43% so với thời gian trước và tăng trung bình năm là 23%. Hàng hóa xuất khẩu có chiều hướng gia tăng, chủ yếu là cà phê, cao su, gỗ qua sơ chế, nông sản... với tổng giá trị xuất khẩu đạt 182 triệu USD, tăng 43% so với cùng kì và tăng trung bình 15% một năm. Trong đó, xuất khẩu cà phê chiếm 55%, gỗ sơ chế chiếm 20%, sản xuất theo hợp đồng 6% và các loại hàng hóa khác 9%. [4]

Tổng giá trị nhập khẩu có chiều hướng tăng theo từng năm, với tổng giá trị trong giai đoạn này là 328 triệu USD, thực hiện 95% kế hoạch đề ra và tăng trung bình 15% một năm. Hàng hóa nhập khẩu của Champasak chủ yếu là xăng dầu, chiếm 64%, phương tiện sản xuất, đồ điện và xây dựng chiếm 11%, tiếp theo là hàng hóa tiêu dùng 4% và hàng hóa khác 21%.

Bảng 2. Cán cân xuất nhập khẩu của Champasak giai đoạn 2006-2014

Đơn vị: Tỉ kíp

Danh mục	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng giá trị xuất khẩu	47,52	46,09	38,72	33,73	37,68	84,72	126,4	143,2	185,6
Tổng giá trị nhập khẩu	44,30	52,95	115,83	57,30	96,17	132,27	205,6	286,3	462,8
Cán cân xuất/nhập khẩu	+3,22	-5,86	-77,11	-23,57	-58,49	-47,55	-79,2	-143,3	-277,2

Nguồn: [4]

Cán cân xuất nhập khẩu của tỉnh Champasak có sự chênh lệch đáng kể trong giai đoạn 2006 – 2014. Chỉ có năm 2006 đạt mức + 3,22 tỉ, còn lại các năm đều có tổng giá trị nhập khẩu cao hơn tổng giá trị xuất khẩu. Năm 2014 cán cân xuất nhập khẩu chênh lệch cao nhất với mức – 227,2 tỉ kíp.

Hiện nay, tại cửa khẩu quốc tế Văng Tau - Xoong Mek sang Vương quốc Thái Lan đã có các cửa hàng miễn thuế, cả hai bên đều xây dựng chợ vùng biên nhằm trao đổi buôn bán. Hàng ngày đều có xe buýt tuyến Pakse - thủ phủ của Champasak - sang tỉnh Ubon của Thái Lan. Ngoài ra, Lào và Việt Nam đã có văn bản kí kết cho Lào sử dụng cảng Vững Áng để việc xuất nhập khẩu hàng hóa được thuận lợi hơn.

Trong những năm gần đây, nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp của Lào ngày càng tăng.

Bảng 3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Champasak giai đoạn 2006-2014

Đơn vị: Tỷ kíp

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Nông nghiệp	39,494	450,497	212,091	563,019	187,854	165,304	483,015	510,124	196,25
Công nghiệp	310,723	135,297	48,675	63,830	188,805	496,886	443,203	557,18	272,34
Dịch vụ	55,600	155,674	301,875	124,589	166,828	42,229	497,94	591,31	51,30

Nguồn: [4], [5]

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, năm 2013, Champasak có mức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cao nhất giai đoạn 2006 – 2014, đạt 510,124 tỷ kíp và thấp nhất là 39,494 tỷ kíp vào năm 2006. Ngành công nghiệp cũng nhận được đầu tư trực tiếp từ nước ngoài tăng mạnh vào những năm 2011 – 2013, nhưng lại giảm vào năm 2014.

- Tác động của toàn cầu hóa đến xã hội
+ Tác động đến dân số (xem bảng 4)

Champasak có dân số đông nhất trong 4 tỉnh miền Nam của Lào nhưng tỉ lệ gia tăng dân số lại thấp nhất, trung bình hàng năm chỉ tăng 1,91%. Trong khi đó, tỉnh Xêkong là 2,81%, cả Attapur và Salavan đều là 2%. Năm 2001, tỉ lệ gia tăng dân số ở 2 tỉnh Salavan và Attapur trên 3%, Champasak lại có tỉ lệ tăng thấp nhất so với các năm, chỉ ở mức 0,44%. Năm 2008, Champasak dừng lại ở mức 1,46%, nhưng đến năm 2009 giảm xuống chỉ còn 0,9%. Từ năm 2010 đến năm 2014, tỉ lệ gia tăng dân số trung bình của tỉnh Champasak trên 1%; cụ thể năm 2010 là 1,91% và năm 2014 dừng ở 1,9%. Như vậy, tỉ lệ gia tăng dân số trong những năm gần đây của tỉnh Champasak đạt mức trung bình.

Bảng 4. Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tỉnh Champasak

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Dân số (người)	615.705	624.730	630.686	642.785	650.099	672.499	691.605	705.000
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	0,66	1,46	0,95	1,91	1,13	2,4	2,8	1,9

Nguồn: [4],[5]

Từ năm 2000 trở lại đây, dân số trong các huyện thị đều gia tăng trong mức dao động từ 2,03 đến 2,07%. Thị xã Pakse là thủ phủ của tỉnh Champasak, mặc dù diện tích chỉ chiếm 0,7% toàn tỉnh nhưng dân số lại chiếm đến 12,76%, đứng thứ 2 sau huyện Phôn Thoong. Dân cư cũng tập trung ở các huyện giáp ranh với Pakse như Xanasombun, Phôn Thoong, Bachieng chiếm tỉ lệ đến 32,26%. Pakse và các huyện lân cận đều có các nhà máy, xí nghiệp chế biến nên thu hút đông đảo nguồn lao động trong và ngoài tỉnh. Tại các nông trường, người dân bản địa thường làm những khâu thủ công, còn cán bộ kĩ thuật và công nhân lành nghề chủ yếu là người Việt Nam. Đây là

nguồn lao động hợp pháp. Nhưng theo thống kê của tỉnh, do việc đi lại giữa các nước lân cận ngày một thuận lợi cùng với chính sách miễn thị thực cho một số nước đã phát sinh luồng lao động bất hợp pháp khá lớn dưới hình thức khách du lịch, trong đó phải kể đến là người Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan... Số lượng người nước ngoài đến làm ăn sinh sống trên địa bàn tỉnh ngày một gia tăng đã gây khó khăn không nhỏ trong việc quản lý dân số.

+ Tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động việc làm (xem bảng 5, bảng 6)

Năm 1985, số người trong độ tuổi lao động là 217.052 người, chiếm 53,85% dân số. Năm 2005, sau 20 năm, dân số trong độ tuổi lao động tăng lên 346.337 người, tăng lên gấp 1,59 lần năm 1985, chiếm 57,35% dân số toàn tỉnh. Năm 2008, dân số trong độ tuổi lao động là 342.352 người, chiếm 54,8% dân số toàn tỉnh. Năm 2014, số người trong độ tuổi lao động đã tăng lên 410.566 người và tổng lực lượng lao động đạt 444.297 người. Tốc độ tăng trưởng số người trong độ tuổi lao động trung bình hàng năm (1985-2014) là 2,81%.

Bảng 5. Nguồn lao động tỉnh Champasak giai đoạn 1985-2014

Đơn vị: Nghìn người

Nguồn lao động		1985	1995	2005	2010	2014
Trong độ tuổi lao động	Số người	217.052	268.014	325.658	354.817	410.566
	Tỉ lệ (%)	94,48	93,78	94,61	93,4	92,40
Ngoài tuổi thực tế có tham gia lao động	Số người	12,681	17,777	18,554	23,417	33,731
	Tỉ lệ (%)	5,52	6,22	5,39	6,6	7,6
Lực lượng lao động		229.733	285.791	344.212	379.889	444.297

Nguồn: [4],[5]

Về tốc độ tăng dân số thì số người trong độ tuổi lao động tăng nhanh hơn. Trong giai đoạn 1995-2005, tỉ lệ gia tăng dân số trung bình là 2,29% thì tỉ lệ gia tăng số người trong độ tuổi lao động là 2,56%. Giai đoạn 2005-2014, tỉ lệ gia tăng dân số trung bình là 1,94% và tỉ lệ gia tăng lao động là 2,81%.

Trong cơ cấu nguồn lao động, ngoài những người trong độ tuổi lao động còn có số người ngoài độ tuổi lao động thực tế có tham gia làm việc. Năm 1995 có 17.777 người, chiếm 6,22% nguồn lao động; năm 2005 có 19.641 người ngoài độ tuổi lao động tham gia làm việc, chiếm 5,29% nguồn lao động; năm 2010 là 23.417 người, chiếm 6,06% nguồn lao động. Đến năm 2014, số người ngoài độ tuổi lao động thực tế có tham gia lao động là 33.371 người, chiếm 7,6%. Có thể thấy tỉ lệ này đang tăng dần qua các năm, tỉ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm: Năm 2006, tỉ lệ thất nghiệp ở tỉnh Champasak là 4%, năm 2008 giảm xuống còn 3,5% và từ 2009 đến 2014 tỉ lệ này đều dừng ở mức 3%.

Bảng 6. Số người trong độ tuổi lao động và tỉ lệ thất nghiệp giai đoạn 2006-2010

TT		2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Số người trong độ tuổi lao động từ 14-60 tuổi (người)	333.333	333.790	342.352	346.977	354.817	354.281	371.219	382.457	410.566
2	Tỉ lệ thất nghiệp (%)	4%	3,9%	3,5%	3%	3%	3%	3%	3%	3%

Nguồn: [6]

Hiện nay, mặc dù tích cực tham gia vào quá trình hội nhập toàn cầu nhưng chất lượng việc làm chưa cao, tính ổn định và bền vững trong việc làm thấp; chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, lao động nông nghiệp chiếm 62,7%, lao động ở khu vực nông thôn chiếm chủ yếu (81%), gần 75% lao động chưa qua đào tạo... gây sức ép lớn về giải quyết việc làm.

- *Tác động của toàn cầu hóa đến y tế (xem bảng 7)*

Ngành y tế của tỉnh Champasak đã và đang nhận được sự giúp đỡ, viện trợ và hợp tác với nhiều nước, trong đó phải kể đến Việt Nam. Hàng năm, Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đều gửi các đoàn cán bộ, chuyên gia y tế sang phẫu thuật miễn phí cho trẻ em hở hàm ếch; về tận các bản vùng nông thôn để khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho người dân. Ngoài ra, Bệnh viện Chợ Rẫy của Thành phố còn nhận bác sĩ chuyên khoa, đa khoa của tỉnh Champasak sang để bồi dưỡng nâng cao trình độ. Nhờ có sự tuyên truyền về phòng chống bệnh tật, số người mắc bệnh sốt rét đã giảm từ 3,5% xuống còn 2,2%, trung bình 1,5 người/1000 dân. Tỉ lệ tử của trẻ dưới 1 tuổi giảm còn 60,643 trẻ/1000 dân, giảm 10% so với giai đoạn trước; tỉ lệ tử do bệnh sốt rét 0,5 người/100.000 dân. Tỉ lệ người sử dụng màn nhuộm thuốc chống muỗi trong vùng có dịch tăng 22%; tỉ lệ người dân sử dụng nước sạch là 97% (tăng 13%). Tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh từ 61,5 (năm 2006) lên 65 (năm 2014). Các cơ sở y tế đã tập trung triển khai việc khám chữa bệnh, tiêm phòng và nhỏ thuốc cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em dưới 5 tuổi.

Bảng 7. Tỉ lệ bác sĩ và tỉ lệ giường bệnh

Đơn vị: 1/1000 dân

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Số bác sĩ, y tá	1,53	1,53	1,62	1,82	1,57	1,62	1,86	2,27
Số giường bệnh	0,63	0,62	0,61	0,59	0,59	0,59	0,62	0,61

Nguồn: [4]

Tỉ lệ bác sĩ trên 1000 dân trong giai đoạn 2007 – 2014 tăng đáng kể. Năm 2007 đạt 1,53‰, tăng lên 1,82‰ năm 2010. Đến năm 2011, tỉ lệ giảm xuống còn 1,57‰ và tăng trở lại khá cao vào năm 2014 với mức 2,27‰. Như vậy, số lượng bác sĩ tăng ở giai đoạn này, nhưng do dân số cũng ngày càng gia tăng mà cơ sở vật chất kĩ thuật ở

các bệnh viện, trạm y tế chưa được đầu tư đúng mức nên tỉ lệ giường bệnh/1000 dân không tăng và chỉ ở mức 0,59-0,63 trong suốt thời kì này.

- *Tác động của toàn cầu hóa đến giáo dục*

Tổng số trường đại học, cao đẳng và trung học dạy nghề trong toàn tỉnh là 56, một số trường trung học dạy nghề trong tỉnh đã được nâng lên thành trường cao đẳng và đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong 5 năm qua, nhiều trường đại học và cao đẳng được thành lập mới như Đại học LatTaLa, Cao đẳng SutViLay, Cao đẳng HuaSieu. Ngoài ra, tỉnh còn nhận được sự giúp đỡ của nhiều nước trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là từ phía Việt Nam, cụ thể: Xây dựng trường dân tộc nội trú cho tỉnh; thành phố Đà Nẵng giúp Trường Đại học Champasak xây dựng trung tâm tiếng Việt với tổng trị giá 52.000 USD và trao tặng một số đồ dùng dạy học, sách vở trị giá 108 triệu đồng; tỉnh Lâm Đồng giúp xây dựng trường năng khiếu tỉnh trị giá 10 tỉ đồng và đã đi vào hoạt động từ năm học 2009-2010... Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Pakse, trung tâm đào tạo nguồn giáo viên cho Champasak và các tỉnh miền Nam, hàng năm đều đón nhận giáo viên, sinh viên tình nguyện đến từ nhiều nước: Mĩ, Pháp, Nhật Bản, Thái Lan... Hiện nay, toàn tỉnh có tổng số 1015 trường học, 5142 phòng học và 157.130 học sinh, tỉ lệ đi học của trẻ 6-10 tuổi là 98%.

Bên cạnh những tác động tích cực do toàn cầu hóa đem lại, ngành giáo dục của tỉnh cũng gặp một số khó khăn và thách thức do nguồn nhân lực vừa thiếu vừa chưa đạt về chất lượng.

3. Định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa ở tỉnh Champasak

3.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Champasak

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế (xem bảng 8)

Định hướng phát triển kinh tế dựa trên các yếu tố như điều kiện địa lí, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực và những bài học kinh nghiệm thực tế của tỉnh để xây dựng các phương án phát triển nhưng phải đảm bảo phát triển một cách bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế là 8,52%, giai đoạn 2010-2015 khoảng 10,43% và giảm xuống còn khoảng 8,6% ở giai đoạn 2015-2020.

Bảng 8. Tăng trưởng GDP của tỉnh Champasak

Năm	GDP tỉ kíp (giá hiện hành)				Tốc độ tăng trưởng (%)			
	2008	2010	2015	2020 (dự báo)	2008-2010	2010-2015	2015-2020 (dự báo)	2008-2020
Tổng GDP	4696	5682	9572	14.725	9,52	10,43	8,61	9,52
Nông nghiệp	2113	2329	3637	4.028	4,86	8,91	2,04	5,37
Công nghiệp	1220	1590	2775	5690	13,24	11,13	14,36	12,83
Dịch vụ	1363	1763	3160	5007	12,86	11,67	9,20	10,84

Nguồn: [5]

Theo kết quả tính toán, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế lần lượt theo các thời kỳ tương ứng 2010-2015, 2015-2020 là: nông nghiệp 8,91%/năm, 2,04%/năm, công nghiệp là 11,13%/năm, 14,36%/năm,; dịch vụ là 11,67%/năm, 9,20%/năm.

3.1.2. Định hướng về xã hội

Về dân số và lao động việc làm: Đến năm 2015, dân số của Champasak có khoảng 733.154 người với tốc độ gia tăng khoảng 1,9%. Giải quyết việc làm cho người dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đến năm 2015 có thêm 6014 lao động được giải quyết việc làm, trong đó lao động nữ là 1383 người; bồi dưỡng tay nghề cho lao động trước khi đưa đi lao động ở nước ngoài với chỉ tiêu 412 lao động; tập huấn cao thủ cao su cho 1000 công nhân; giảm tỉ lệ thất nghiệp từ 3% xuống còn 2,1%.

Đặc biệt quan tâm đến xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở các huyện, bản có tỉ lệ hộ nghèo trên 50%. Đến năm 2015 có 70% hộ gia đình đạt đủ ăn, 30% hộ gia đình đạt mức giàu.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số. Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi xuống thấp hơn 25%. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Đảm bảo cho 100% trẻ ở độ tuổi 6-10 tuổi được đến trường. Phấn đấu giảm tỉ lệ tử của trẻ dưới 1 tuổi từ 67 trẻ/1000 dân xuống còn 38 trẻ/1000 dân.

Mục tiêu đến hết năm 2015 có 60% số bản trong tỉnh đạt tiêu chuẩn bản văn hóa. Đồng thời xây dựng các hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.

Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện của nhân dân. Tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực và vị thế của phụ nữ.

3.2. Các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Champasak đến năm 2020

Dựa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào đến năm 2020 cũng như tiềm năng thế mạnh của Champasak để đề ra kế hoạch phát triển một cách cụ thể và hòa nhập với quá trình toàn cầu hóa là một tỉnh mà ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn, cần áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm tăng năng suất, nâng cao giá trị sản phẩm; đồng thời tiếp tục kí kết hợp đồng thu mua sản phẩm với các nước trong khu vực. Phát triển nông nghiệp chế biến, công nghiệp vừa và nhỏ, khai thác khoáng sản, dịch vụ du lịch một cách hợp lí và tạo công ăn việc làm cho người dân. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước cũng như các tổ chức

trong và ngoài nước ở mọi lĩnh vực; trong đó phải kể đến việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập, nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng cuộc sống cho người dân và đảm bảo phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

3.2.1. Về kinh tế - xã hội

3.2.1.1. Kinh tế

- **Công nghiệp:** Với chính sách phát triển công nghiệp vừa và nhỏ nhưng phải đạt trình độ tiên tiến nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, Tỉnh cần chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, trong đó có công nghiệp chế biến. Ngoài ra, cũng cần tiếp tục nghiên cứu để thực hiện các dự án về điện lực, khai thác quặng bô-xít trong tương lai.

- **Nông nghiệp:** Cây công nghiệp được chú trọng phát triển là cà phê, cao su, điều, cây thuốc, cây ăn trái (sầu riêng, chuối...). Về trồng lúa: Thâm canh tăng vụ, lựa chọn giống lúa tốt phù hợp đất đai nhằm tăng năng suất lúa, đáp ứng nhu cầu cho các tỉnh phía Nam, đảm bảo an ninh lương thực. Về chăn nuôi: Các sản phẩm chủ lực là thịt bò, trâu, gia cầm; tiếp tục nuôi đà điểu, nuôi cá lồng trên sông một cách đại trà hơn. Về phân bố không gian: Xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng nông nghiệp trọng điểm.

- **Dịch vụ:** Khai thác những lợi thế về du lịch sinh thái, dịch vụ nhà ở, đào tạo nghề... và đề ra chính sách phát triển đi trước ở một số ngành dịch vụ như vận tải, thương mại, ngân hàng.

+ Thương mại: Sửa chữa nâng cấp các chợ đầu mối, xây dựng thêm chợ mới ở các vùng nông thôn, vùng sâu, chợ tại cửa khẩu; đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tập trung vào các bạn hàng Thái Lan, ASEAN, Trung Quốc...

+ Du lịch: Đa dạng hóa các loại hình du lịch như: Du lịch sinh thái; du lịch tham quan các thắng cảnh, di tích lịch sử; du lịch văn hóa, vui chơi, giải trí; du lịch thể thao...; mở rộng địa bàn hoạt động du lịch.

3.2.1.2. Xã hội

- **Giáo dục:** Tiếp tục đổi mới và thực hiện các dự án giáo dục bắt buộc bậc tiểu học và xóa nạn mù chữ, thực hiện 3 chính sách đã được đề ra: tăng ngân sách cho giáo dục, nâng cao chất lượng quản lí, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên.

- **Y tế:** Tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm tăng cường sức khỏe đẩy lùi bệnh tật và các dịch bệnh. Đổi mới và nâng cao chất lượng việc điều trị, kết hợp Tây y và Y học cổ truyền. Có chính sách khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 7 tuổi, phát thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo và cán bộ công chức. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các bệnh viện, trung tâm y tế, có hệ thống xử lí chất thải bệnh viện đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- **Phát triển cơ sở hạ tầng:** Huy động nguồn vốn từ nhân dân và các tổ chức quốc tế vào việc phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội một cách hiệu

quả, đồng thời tạo điều kiện thu hút đầu tư cũng như nguồn lao động có chất lượng cao. Các giải pháp về cơ sở hạ tầng như sau:

+ Giao thông: Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển khu đô thị và xây dựng nâng cấp lại các tuyến đường huyết mạch của tỉnh nối sân bay Pakse, Quốc lộ 13 qua Tỉnh, các tuyến đường nối liền các huyện hai bên bờ sông, tuyến đường đến các khu cửa khẩu.

+ Điện lưới: Xây dựng, chuyển đổi điện áp của các vùng phụ tải nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân, phát triển mạng lưới điện đến các vùng nông thôn. Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài đến khảo sát và xây dựng các công trình thủy điện, khuyến khích nhân dân sử dụng điện năng lượng mặt trời.

+ Hệ thống cung cấp nước: Đầu tư cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước tại thị xã Pakse, huyện Phôn Thong và huyện Khong. Trong những năm tới sẽ phối hợp với Bộ Giao thông - Công chính nhằm xây dựng mới các nhà máy nước tại 2 huyện: huyện Champasak và huyện Paksong.

4. Kết luận

Tóm lại, toàn cầu hóa hiện đang là xu thế tất yếu khách quan và tác động mạnh mẽ tới tất cả các quốc gia, đến đời sống xã hội của cả nhân loại. Toàn cầu hóa không chỉ tạo ra những cơ hội mà còn cả những thách thức to lớn. Như vậy, có thể khẳng định rằng, chủ động hội nhập là con đường tốt nhất để CHDCND Lào nói chung, tỉnh Champasak nói riêng, tranh thủ cơ hội và vượt qua những thách thức của quá trình toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), “Toàn cầu hóa hiện nay và quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội”, *Tạp chí Triết học*, (1), tr.22-27, Viện Triết học.
2. Charles, Albert Michalet (2005), *Suy nghĩ về toàn cầu hóa*, Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Thị Mơ (2008), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Kinh tế Hà Nội.
3. SĩTha PhanThaBa (2010), *Địa lí kinh tế - xã hội Lào*, Nxb Viêng Chăn.
4. Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Champasak, *Báo cáo tổng kết kế hoạch 5 năm (2006-2010; 2014)*.
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Champasak (2008), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2009-2010*.
6. Sở Lao động tỉnh Champasak (2010), *Số liệu thống kê giai đoạn 2006-2010*.
7. The World Bank (2008), *Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2007*.
8. Thomas L. Friedman (2005), *Thế giới phẳng*, Nxb Trẻ.
9. <http://www.pasaxon.org.la>
10. <http://www.na.gov.la>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 02-4-2015;
ngày chấp nhận đăng: 18-5-2015)